NHỰA BÌNH MINH®
BINH MINH PLASCO

www.binhminhplastic.com.vn

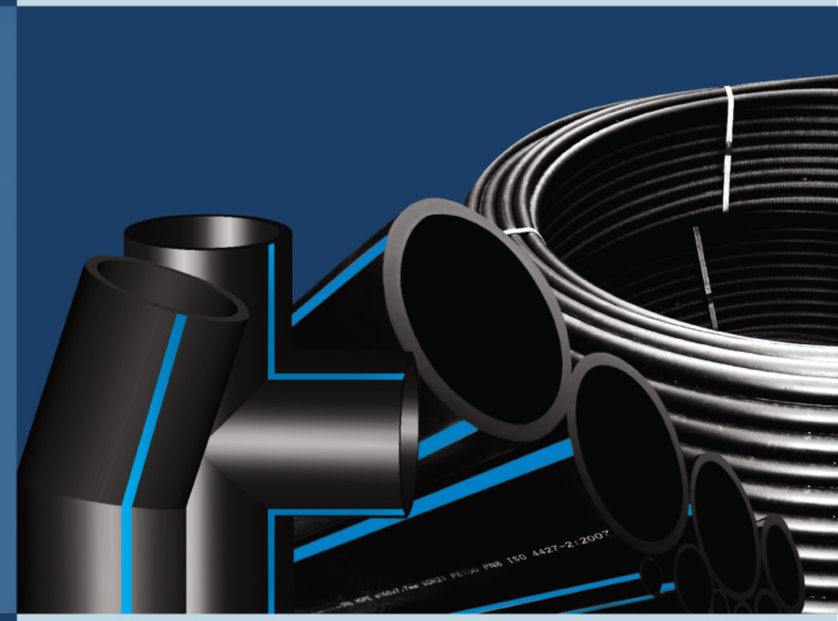

KHU VỰC MIỀN NAM:

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH®
BINH MINH PLASTICS JOINT-STOCK COMPANY

240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh.
240 Hau Giang Street, Ward 9, District 6, Ho Chi Minh City.
Tel: (+84.28)39690973. Fax: (+84.28)39606814
Email: binhminhplas@hcm.fpt.vn

KHU VỰC MIỀN BẮC:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
NORTH BINH MINH PLASTICS LIMITED COMPANY

Đường D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.
D1 Street, D Zone, Pho Noi A Industrial Park, Van Lam District, Hung Yen Province.
Tel: (+84.221)3967868. Fax: (+84.221)3967869
Email: info@nbmplasco.com.vn.

07/2018

Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE - ISO 4427:2007

HDPE pipes and fittings - ISO 4427:2007

VẬT LIỆU:
Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE - ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008) được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao: PE80 và PE100.

LĨNH VỰC ÁP DỤNG:
Thích hợp dùng cho các ứng dụng:
- Hệ thống ống dẫn nước và phân phối nước uống.
- Hệ thống ống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống ống thoát nước thải, thoát nước mưa,...

TÍNH CHẤT VẬT LÝ:

- Tỷ trọng:	0.96	g/cm^3
- Độ bền kéo đứt tối thiểu:	19	MPa
- Hệ số giãn nở nhiệt:	0.2	mm/m.°C
- Điện trở suất bề mặt:	10^{13}	Ω
- Nhiệt độ làm việc cho phép:	0 đến 40	°C
- Chỉ số chảy tối đa (190°C/5kg):	1.4	g/10phút

TÍNH CHẤT HÓA HỌC:
- Chịu được:
  - □ Các loại dung dịch axít
  - □ Các loại dung dịch kiềm
  - □ Các loại dung môi yếu
- Không chịu được:
  - □ Các axít đậm đặc có tính oxy hóa
  - □ Các tác nhân halogen.

ÁP SUẤT LÀM VIỆC:
Áp suất làm việc là áp suất tối đa cho phép đối với nhiệt độ của nước lên đến 40°C. Áp suất làm việc được tính theo công thức:

$$P_{lv} = K \times PN$$

Trong đó:

P_{lv} : Áp suất làm việc.
K : Hệ số giảm áp đối với nhiệt độ của nước, K được xác định như bảng 1b hoặc hình 1b
PN : Áp suất danh nghĩa.

Bảng 1b: K đối với ống HDPE
Table 1b: K for HDPE pipes

Nhiệt độ nước,°C *Water temperatures*	Hệ số giảm áp, K *Pressure losses coefficient*
0 < t ≤ 20	1,00
20 < t ≤ 25	0,93
25 < t ≤ 30	0,87
30 < t ≤ 35	0,80
35 < t ≤ 40	0,74

Lưu ý: Khi cần chính xác hơn, K có thể được chọn theo hình 1b
Note: For more accurate calculations, K taken from figure 1b.

MATERIAL:
HDPE pipes and fittings - ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008) are manufactured from high density polyethylene compound: PE80 and PE100.

FIELDS OF APPLICATION:
Suitable for applications:
- *Pipelines for transport and distribution of potable water.*
- *Pipelines for irrigation and watering in agriculture.*
- *Pipelines for industrial process.*
- *Other: sewer main pipelines, drainage pipelines,...*

PHYSICAL PROPERTIES:

- Density:	*0.96*	*g/cm^3*
- Minimum tensile strength:	*19*	*MPa*
- Coefficient of linear expansion:	*0.2*	*mm/m.°C*
- Surface resistivity:	*10^{13}*	*Ω*
- Allow working temperature:	*0 to 40*	*°C*
- Melt flow index, MFI (190°C/5kg),max:	*1.4*	*g/10min*

CHEMICAL PROPERTIES:
- Resistance to:
  - □ *Acid solutions.*
  - □ *Alkaline solutions.*
  - □ *Weak solvents.*
- Not resistance to:
  - □ *Oxidizing acids.*
  - □ *Halogen agents.*

WORKING PRESSURE:
Working pressure: Maximum admissible pressure for water at operating temperature up to 40°C. Working pressure is according with formular:

$$P_{lv} = K \times PN$$

Where:

P_{lv} : *Working pressure.*
K : *Pressure losses coefficient for water temperatures, K are given in table 1b or figure 1b.*
PN : *Nominal pressure.*

Hình 1b: Biểu đồ K đối với ống HDPE
Fig.1b: Chart of K for HDPE pipes

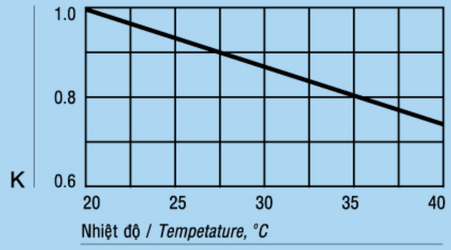

Ống (cây) / *Pipe (bar)*

Ống (cuộn) / *Pipe (coil)*

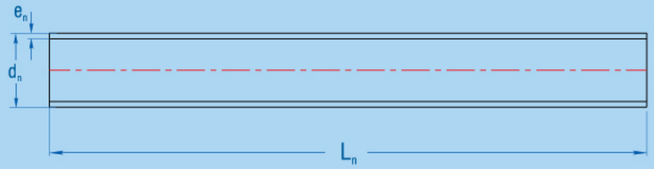

Dãy ống *Pipe series*		S 12.5	S 10	S 8	S 6.3	S 5	S 4	Chiều dài danh nghĩa, L_n *Nominal length*					
		SDR 26	SDR 21	SDR 17	SDR 13.6	SDR 11	SDR 9						
Nguyên liệu / *Material PE 80*		PN 5	PN 6	PN 8	PN 10	PN 12.5	PN 16						
Nguyên liệu / *Material PE 100*		PN 6	PN 8	PN 10	PN 12.5	PN 16	PN 20	Ống (cây) *Pipe (bar)*			Ống (cuộn) *Pipe (coil)*		
DN	d_n	e_n											
mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	mm	m	m	m	m	m	m
16	16.0	-	-	-	-	-	2.0	-	-	-	50	100	200
20	20.0	-	-	-	-	2.0	2.3	-	-	-	50	100	200
25	25.0	-	-	-	2.0	2.3	3.0	-	-	-	50	100	200
32	32.0	-	-	2.0	2.4	3.0	3.6	-	-	-	50	100	200
40	40.0	-	2.0	2.4	3.0	3.7	4.5	4	5	6	50	100	200
50	50.0	2.0	2.4	3.0	3.7	4.6	5.6	4	5	6	50	100	200
63	63.0	2.5	3.0	3.8	4.7	5.8	7.1	4	5	6	25	50	100
75	75.0	2.9	3.6	4.5	5.6	6.8	8.4	4	5	6	25	50	100
90	90.0	3.5	4.3	5.4	6.7	8.2	10.1	4	5	6	25	50	-
110	110.0	4.2	5.3	6.6	8.1	10.0	-	4	5	6	-	-	-
125	125.0	4.8	6.0	7.4	9.2	11.4	-	4	5	6	-	-	-
140	140.0	5.4	6.7	8.3	10.3	12.7	-	4	5	6	-	-	-
160	160.0	6.2	7.7	9.5	11.8	14.6	-	4	5	6	-	-	-
180	180.0	6.9	8.6	10.7	13.3	16.4	-	4	5	6	-	-	-
200	200.0	7.7	9.6	11.9	14.7	18.2	-	4	5	6	-	-	-
225	225.0	8.6	10.8	13.4	16.6	20.5	-	4	5	6	-	-	-
250	250.0	9.6	11.9	14.8	18.4	22.7	-	4	5	6	-	-	-
280	280.0	10.7	13.4	16.6	20.6	25.4	-	4	5	6	-	-	-
315	315.0	12.1	15.0	18.7	23.2	28.6	-	4	5	6	-	-	-
355	355.0	13.6	16.9	21.1	26.1	32.2	-	4	5	6	-	-	-
400	400.0	15.3	19.1	23.7	29.4	36.3	-	4	5	6	-	-	-
450	450.0	17.2	21.5	26.7	33.1	40.9	-	4	5	6	-	-	-
500	500.0	19.1	23.9	29.7	36.8	45.4	-	4	5	6	-	-	-
560	560.0	21.4	26.7	33.2	41.2	50.8	-	4	5	6	-	-	-
630	630.0	24.1	30.0	37.4	46.3	57.2	-	4	5	6	-	-	-
710	710.0	27.2	33.9	42.1	52.2	64.5	-	4	5	6	-	-	-
800	800.0	30.6	38.1	47.4	58.8	72.6	-	4	5	6	-	-	-
900	900.0	34.4	42.9	53.3	66.2	81.7	-	4	5	6	-	-	-
1000	1000.0	38.2	47.7	59.3	72.5	90.2	-	4	5	6	-	-	-
1200	1200.0	45.9	57.2	67.9	88.2	-	-	4	5	6	-	-	-

Lưu ý:
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- d_n: Đường kính ngoài danh nghĩa.
- e_n: Độ dày thành ống danh nghĩa.
- PN: Áp suất danh nghĩa, áp suất làm việc ở 20°C (Đơn vị: bar).
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, xin vui lòng liên hệ Công ty chúng tôi.

Note:
- *DN: Nominal size.*
- *d_n: Nominal outsize diameter.*
- *e_n: Nominal wall thickness.*
- *PN: Nominal pressure, working pressure at 20°C (Unit: bar).*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

CO 90° / *90° Elbow*

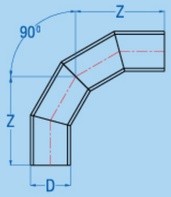

DN	D	Z
mm	mm	mm
90	90	269
110	110	296
125	125	302
140	140	307
160	160	315
180	180	322
200	200	379
225	225	388
250	250	428
280	280	439
315	315	499

DN	D	Z
mm	mm	mm
355	355	572
400	400	606
450	450	650
500	500	688
560	560	730
630	630	756
710	710	1296
800	800	1396
900	900	1483
1000	1000	1595
1200	1200	1792

CO 60° / *60° Elbow*

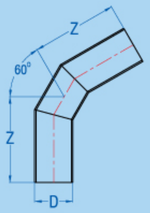

DN	D	Z
mm	mm	mm
90	90	215
110	110	240
125	125	244
140	140	248
160	160	253
180	180	258
200	200	313
225	225	319
250	250	355
280	280	363
315	315	410

DN	D	Z
mm	mm	mm
355	355	475
400	400	494
450	450	520
500	500	552
560	560	587
630	630	605
710	710	1105
800	800	1186
900	900	1261
1000	1000	1349
1200	1200	1501

CO 45° / *45° Elbow*

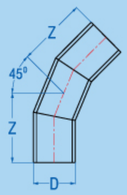

DN	D	Z
mm	mm	mm
90	90	213
110	110	237
125	125	240
140	140	243
160	160	246
180	180	250
200	200	304
225	225	309
250	250	344
280	280	349
315	315	395

DN	D	Z
mm	mm	mm
355	355	458
400	400	475
450	450	499
500	500	528
560	560	560
630	630	573
710	710	1071
800	800	1147
900	900	1217
1000	1000	1300
1200	1200	1441

Lưu ý:
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Sản phẩm được gia công từ ống.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, xin vui lòng liên hệ Công ty chúng tôi.

Note:
- *DN: Nominal size.*
- *Products made from pipe.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

PHỤ TÙNG ỐNG HDPE - PHỤ TÙNG GIA CÔNG TỪ ỐNG / *FITTINGS FOR HDPE PIPES - FABRICATED FITTINGS* - ISO 4427-3:2007 (TCVN 7305-3:2008)

CO 22.5° / *22.5° Elbow*

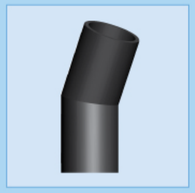

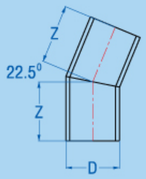

DN	D	Z
mm	mm	mm
90	90	158
110	110	180
125	125	182
140	140	183
160	160	185
180	180	187
200	200	239
225	225	242
250	250	274
280	280	277
315	315	311

DN	D	Z
mm	mm	mm
355	355	365
400	400	369
450	450	374
500	500	399
560	560	425
630	630	432
710	710	890
800	800	949
900	900	1009
1000	1000	1069
1200	1200	1169

CO 11.25° / *11.25° Elbow*

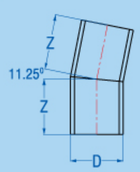

DN	D	Z
mm	mm	mm
90	90	154
110	110	175
125	125	176
140	140	176
160	160	177
180	180	178
200	200	229
225	225	231
250	250	262
280	280	263
315	315	295

DN	D	Z
mm	mm	mm
355	355	347
400	400	349
450	450	352
500	500	374
560	560	397
630	630	401
710	710	854
800	800	909
900	900	964
1000	1000	1019
1200	1200	1109

T 90° / *Tee 90°*

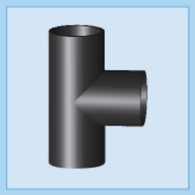

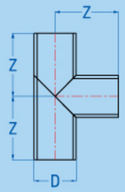

DN	D	Z
mm	mm	mm
90	90	195
110	110	225
125	125	232
140	140	240
160	160	250
180	180	260
200	200	320
225	225	332
250	250	375
280	280	390
315	315	437

DN	D	Z
mm	mm	mm
355	355	507
400	400	530
450	450	555
500	500	600
560	560	650
630	630	685
710	710	1175
800	800	1270
900	900	1370
1000	1000	1470
1200	1200	1650

Lưu ý:
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Sản phẩm được gia công từ ống.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, xin vui lòng liên hệ Công ty chúng tôi.

Note:
- *DN: Nominal size.*
- *Products made from pipe.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

T 60° / *Tee 60°*

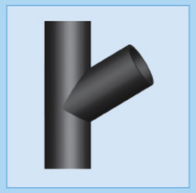

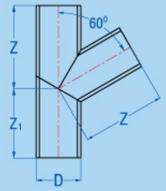

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
90	90	227	176
110	110	265	201
125	125	278	206
140	140	291	210
160	160	308	216
180	180	325	222
200	200	393	277
225	225	414	285
250	250	466	322
280	280	492	330
315	315	552	371

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
355	355	637	432
400	400	676	445
450	450	719	460
500	500	783	494
560	560	855	531
630	630	915	552
710	710	1435	1025
800	800	1563	1101
900	900	1699	1180
1000	1000	1836	1259
1200	1200	2089	1396

T 45° / *Tee 45°*

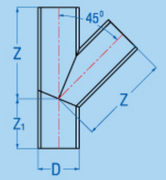

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
90	90	258	168
110	110	302	192
125	125	320	195
140	140	338	199
160	160	363	203
180	180	387	207
200	200	461	261
225	225	491	266
250	250	551	301
280	280	587	308
315	315	660	345

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
355	355	758	403
400	400	812	412
450	450	873	423
500	500	953	453
560	560	1045	486
630	630	1130	500
710	710	1676	967
800	800	1835	1035
900	900	2006	1106
1000	1000	2176	1177
1200	1200	2498	1298

T RÚT

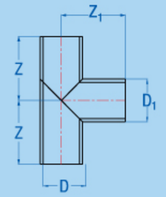

DN	D	Z	D_1	Z_1
mm	mm	mm	mm	mm
315 x 63	315	442	63	438
315 x 90	315	455	90	438
315 x 110	315	465	110	438
315 x 125	315	473	125	438
315 x 140	315	480	140	438
355 x 63	355	442	63	508
355 x 90	355	455	90	508
355 x 110	355	465	110	508
355 x 125	355	473	125	508
355 x 140	355	480	140	508
355 x 160	355	490	160	508
400 x 63	400	412	63	530
400 x 90	400	425	90	530
400 x 110	400	435	110	530
400 x 125	400	443	125	530
400 x 140	400	450	140	530
400 x 160	400	460	160	530
400 x 180	400	470	180	530
400 x 200	400	480	200	530
450 x 110	450	435	110	555
450 x 125	450	443	125	555

DN	D	Z	D_1	Z_1
mm	mm	mm	mm	mm
450 x 140	450	450	140	555
450 x 160	450	460	160	555
450 x 180	450	470	180	555
450 x 200	450	480	200	555
450 x 225	450	493	225	555
500 x 160	500	430	160	250
500 x 180	500	440	180	250
500 x 200	500	450	200	250
500 x 225	500	463	225	250
500 x 250	500	475	250	250
560 x 160	560	450	160	280
560 x 180	560	460	180	280
560 x 200	560	470	200	280
560 x 225	560	483	225	280
560 x 250	560	495	250	280
630 x 200	630	470	200	315
630 x 225	630	483	225	315
630 x 250	630	495	250	315
630 x 280	630	510	280	315
630 x 315	630	528	315	315
710 x 225	710	933	225	355

DN	D	Z	D_1	Z_1
mm	mm	mm	mm	mm
710 x 250	710	945	250	355
710 x 280	710	960	280	355
710 x 315	710	978	315	355
710 x 355	710	998	355	355
800 x 280	800	1010	280	400
800 x 315	800	1028	315	400
800 x 355	800	1048	355	400
800 x 400	800	1070	400	400
900 x 280	900	1060	280	450
900 x 315	900	1078	315	450
900 x 355	900	1098	355	450
900 x 400	900	1120	400	450
1200 x 315	1200	1208	315	600
1200 x 355	1200	1228	355	600
1200 x 400	1200	1250	400	600
1200 x 450	1200	1275	450	600
1000 x 280	1000	1110	280	500
1000 x 315	1000	1128	315	500
1000 x 355	1000	1148	355	500
1000 x 400	1000	1170	400	500

Lưu ý:
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Sản phẩm được gia công từ ống.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, xin vui lòng liên hệ Công ty chúng tôi.

Note:
- *DN: Nominal size.*
- *Products made from pipe.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

PHỤ TÙNG ỐNG HDPE - PHỤ TÙNG GIA CÔNG TỪ ỐNG / *FITTINGS FOR HDPE PIPES - FABRICATED FITTINGS* - ISO 4427-3:2007 (TCVN 7305-3:2008)

Y 60° / *Y 60°*

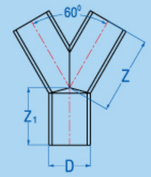

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
90	90	227	162
110	110	265	184
125	125	278	186
140	140	291	188
160	160	308	191
180	180	325	194
200	200	393	246
225	225	414	250
250	250	466	283
280	280	492	287
315	315	552	322

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
355	355	637	377
400	400	676	383
450	450	719	390
500	500	783	417
560	560	855	445
630	630	915	454
710	710	1435	915
800	800	1563	977
900	900	1699	1040
1000	1000	1836	1104
1200	1200	2089	1210

Y 45° / *Y 45°*

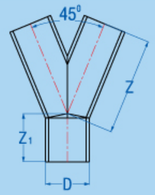

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
90	90	258	158
110	110	302	180
125	125	320	182
140	140	338	183
160	160	363	185
180	180	387	187
200	200	461	239
225	225	491	242
250	250	551	274
280	280	587	277
315	315	660	311

DN	D	Z	Z_1
mm	mm	mm	mm
355	355	758	365
400	400	812	369
450	450	873	374
500	500	953	399
560	560	1045	425
630	630	1130	432
710	710	1676	890
800	800	1835	949
900	900	2006	1009
1000	1000	2176	1069
1200	1200	2498	1169

TỨ THÔNG / *Cross*

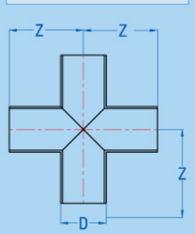

DN	D	D	Z
mm	mm	mm	mm
90	90	90	195
110	110	110	225
125	125	125	232
140	140	140	240
160	160	160	250
180	180	180	260
200	200	200	320
225	225	225	332
250	250	250	375
280	280	280	390
315	315	315	437

DN	D	D	Z
mm	mm	mm	mm
355	355	355	507
400	400	400	530
450	450	450	555
500	500	500	600
560	560	560	650
630	630	630	685
710	710	710	1175
800	800	800	1270
900	900	900	1370
1000	1000	1000	1470
1200	1200	1200	1650

Lưu ý:
- Sản phẩm do Nhựa Bình Minh nhập khẩu.
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, Xin vui lòng liên hệ công ty chúng tôi

Note:
- *Products imported by Binh Minh Plastics.*
- *DN: Nominal size.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

NỐI / *Coupling*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	90	200
63	110	250
75	160	

NỐI RÚT / *Reducing coupling*

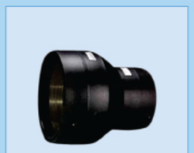

DN	DN	DN
mm x mm	mm x mm	mm x mm
75 x 63	110 x 63	160 x 110
90 x 63	110 x 75	
90 x 75	160 x 90	

CO 90° / *90° Elbow*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	90	200
63	110	
75	160	

Lưu ý:
- Sản phẩm do Nhựa Bình Minh nhập khẩu.
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, Xin vui lòng liên hệ công ty chúng tôi

Note:
- *Products imported by Binh Minh Plastics.*
- *DN: Nominal size.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

PHỤ TÙNG ỐNG HDPE - PHỤ TÙNG ĐÚC - HÀN ĐIỆN TRỞ / *FITTINGS FOR HDPE PIPES - ELECTROFUSION FITTINGS* - ISO 4427-3:2007 (TCVN 7305-3:2008)

CO 45° / *45° Elbow*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	90	
63	110	
75	160	

T / *Tee*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	90	
63	110	
75	160	

T RÚT / *Reducing tee*

DN	DN	DN
mm x mm	mm x mm	mm x mm
75 x 50	110 x 50	200 x 63
75 x 63	110 x 63	200 x 90
90 x 50	160 x 63	200 x 110
90 x 63	160 x 90	

Lưu ý:
- Sản phẩm do Nhựa Bình Minh nhập khẩu.
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, Xin vui lòng liên hệ công ty chúng tôi

Note:
- *Products imported by Binh Minh Plastics.*
- *DN: Nominal size.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

NỐI RÚT / *Reducing coupling*

DN	DN	DN
mm x mm	mm x mm	mm x mm
50 x 40	110 x 63	225 x 160
60 x 40	110 x 90	250 x 160
63 x 50	160 x 90	250 x 200
90 x 63	160 x 110	315 x 250
90 x 75	200 x 110	

CO 90° / *90° Elbow*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	160	315
63	200	355
75	225	400
90	250	
110	280	

CO 45° / *45° Elbow*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	110	250
63	160	315
75	200	400
90	225	

Lưu ý:
- Sản phẩm do Nhựa Bình Minh nhập khẩu.
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, Xin vui lòng liên hệ công ty chúng tôi

Note:
- *Products imported by Binh Minh Plastics.*
- *DN: Nominal size.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*

PHỤ TÙNG ỐNG HDPE - PHỤ TÙNG ĐÚC - HÀN ĐỐI ĐẦU / *FITTINGS FOR HDPE PIPES - SPIGOT FITTINGS* - ISO 4427-3:2007 (TCVN 7305-3:2008)

T / *Tee*

DN	DN	DN
mm	mm	mm
50	160	315
63	200	400
90	225	
110	250	

T RÚT / *Reducing tee*

DN	DN	DN
mm x mm	mm x mm	mm x mm
50 x 40	90 x 75	200 x 160
63 x 40	110 x 63	225 x 160
63 x 50	110 x 90	250 x 160
75 x 50	160 x 90	315 x 250
75 x 63	160 x 110	400 x 250
90 x 63	200 x 110	400 x 315

Lưu ý:
- Sản phẩm do Nhựa Bình Minh nhập khẩu.
- DN: Kích thước danh nghĩa.
- Những hình ảnh trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Để có nhiều thông tin hơn, Xin vui lòng liên hệ công ty chúng tôi

Note:
- *Products imported by Binh Minh Plastics.*
- *DN: Nominal size.*
- *The above images are for illustration purpose only.*
- *For more information, please contact us.*